

CÔNG TY TNHH VINA WOOD HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINA WOOD HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA NOI VINA WOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HN VINA WOOD CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108572595

3. Ngày thành lập: 05/01/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 1 ngách 158/22 tổ dân phố Kiên Quyết , Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0816495118

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
2.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
5.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu hoạt động tư vấn đầu tư (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	6619
6.	Hoạt động tư vấn quản lý (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	7020
7.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
8.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
9.	Dịch vụ đóng gói	8292
10.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622(Chính)

11.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn	2599
12.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
13.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
14.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
16.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ loại nhà nước cấm)	4652
17.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).	4659
18.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
19.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
20.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...; (đối với ngành nghề có điều kiện. doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4773
21.	Cho thuê xe có động cơ	7710
22.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
23.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
24.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
25.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
26.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

27.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự Sửa chữa, làm mới, đánh bóng giường, tủ, bàn, ghế, kể cả đồ dùng văn phòng.	9524
28.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
29.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
30.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
31.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
33.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
34.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
37.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống) Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác loại mới và loại đã qua sử dụng. - Ô tô chở khách loại trên 12 chỗ ngồi, kể cả xe chuyên dụng như xe cứu thương; - Ô tô vận tải, kể cả loại chuyên dụng như xe bồn, xe đông lạnh, rơ-moóc và bán rơ-moóc; - Ô tô chuyên dụng: xe chở rác, xe quét đường, xe phun nước, xe trộn bê tông...; - Xe vận chuyển có hoặc không gắn thiết bị nâng hạ, cạp giữ loại dùng trong nhà máy, kho hàng, sân bay, bến cảng, sân ga xe lửa.	4511
38.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Đại lý.	4610
39.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
40.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4661
41.	Bán buôn tổng hợp	4690
42.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (trừ vận tải bằng xe buýt) (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4931
43.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
44.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (hoạt động khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)	4933
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm kinh doanh bất động sản)	5210

46.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
47.	Sản xuất than cốc	1910
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
49.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
50.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
51.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
53.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng và các kim loại nhà nước cấm)	4662

6. Vốn điều lệ: 9.800.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: **TRẦN VĂN KINH**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 22/08/1950

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 160642107

Ngày cấp: 15/09/2008

Nơi cấp: *CA tỉnh Nam Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *đội 17, Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 705, tòa nhà 5A, đường Lê Đức Thọ, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: TRẦN VĂN KINH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/08/1950

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 160642107

Ngày cấp: 15/09/2008

Nơi cấp: *CA tỉnh Nam Định*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *đội 17, Xã Hải Trung, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 705, tòa nhà 5A, đường Lê Đức Thọ, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội